

**Bài 1 (trang 5 VBT Lịch Sử lớp 4):**

Đánh dấu x vào ô trống trước ý đúng.

Nước Văn Lang ra đời cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

	Khoảng 700 năm.
	Khoảng 1700 năm.
	Khoảng 2700 năm.
	Khoảng 3700 năm.

**Lời giải:**

Nước Văn Lang ra đời cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

	Khoảng 700 năm.
	Khoảng 1700 năm.
X	Khoảng 2700 năm.
	Khoảng 3700 năm.

**Bài 2 (trang 5 VBT Lịch Sử lớp 4):**

Quan sát các hình sau: Hãy điền tên vật trong các hình đã quan sát vào chỗ thích hợp:

**Lời giải:**

- Có công dụng trong cuộc sống:

+ Dùng để làm ruộng: lưỡi cày

+ Dùng cho sinh hoạt, ăn, uống: Muôi (vá, môi), đồ gốm, lưỡi câu.

+ Dùng để làm quần áo: mảnh vải.

+ Dùng làm trang sức: hình nhà sàn, vòng trang sức

+ Dùng làm vũ khí: rìu lưỡi xéo, giáo mác, dao găm.

- Là sản phẩm của nghề:

+ Đúc đồng: muôi, lưỡi cày, rìu lưỡi xéo, vòng trang sức, lưỡi câu, giáo mác, dao găm.

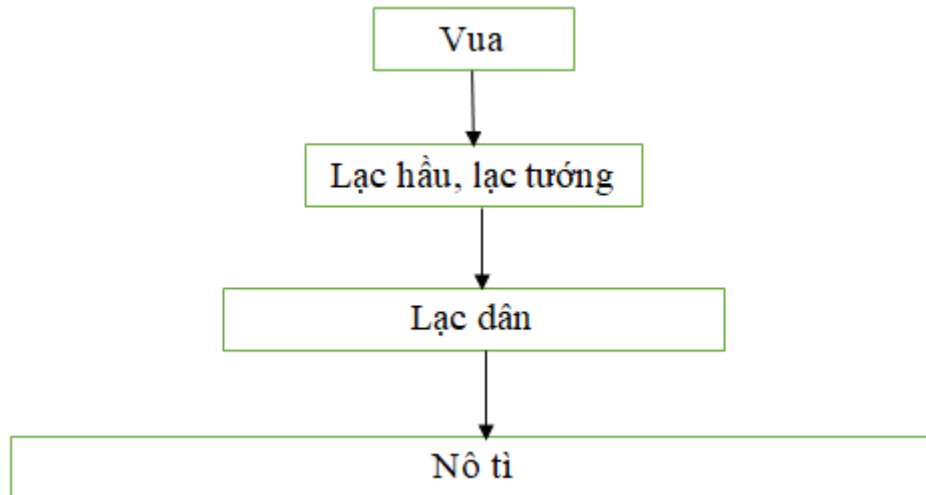
+ Làm đồ gốm: đồ gốm.

+ Ươm tơ, dệt vải: mảnh vải, hình nhà sàn.

**Bài 3 (trang 7 VBT Lịch Sử lớp 4):**

Điền các từ ngữ: lạc hậu, lạc tướng, vua, nô tì, lạc dân vào chỗ trống của sơ đồ cho là đúng:

*Lời giải:*

**Bài 4 (trang 8 VBT Lịch Sử lớp 4):**

Qua quan sát hình và đọc bài trong SGK, em hãy điền vào các cột để biết người Lạc Việt ăn, mặc, ở, sinh hoạt lễ hội như thế nào?

*Lời giải:*

- Ăn: Lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả, rau và dưa hấu. Nấu xôi, gói bánh chưng, làm bánh giầy, làm mắm, ...
- Mặc và trang sức: Trồng đay, gai trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải. Làm vòng tay, hoa tai, trống, chiêng, lục lạc. Đúc đồng lam giáo, mác, mũi tên, lưỡi rìu, lưỡi cày, ... nặn nồi niêu; đan rô, rá, gùi, nong, đan thuyền na, đóng thuyền gỗ.
- Ở: Nhà sàn tránh thú dữ. Hẹp nhau thành các làng bản. Thờ thần Đất, Mặt trời. Tục nhuộm răng đen, ăn trầu, búi tóc, cạo trọc đầu, ... Phụ nữ thích đeo hoa tai và nhiều vòng tay bằng đá, đồng.
- Lễ hội: Thường hóa trang, vui chơi, nhảy múa theo nhịp trống đồng. Các trai làng đua thuyền trên sông hoặc đấu vật trên những bãi đất rộng.

**Bài 5 (trang 8 VBT Lịch Sử lớp 4):**

Viết một đoạn văn ngắn nói về cuộc sống ăn, ở, sinh hoạt lễ hội của người Lạc Việt thời Hùng Vương.

**Lời giải:**

Ngày xưa, đời Vua Hùng Vương thứ 6, sau khi đánh dẹp xong giặc Ân, vua có ý định truyền ngôi cho con. Nhân dịp đầu Xuân, vua mới họp các hoàng tử lại, bảo rằng: "Con nào tìm được thức ăn ngon lành, để bày cỗ cho có ý nghĩa nhất, thì ta sẽ truyền ngôi vua cho".

Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên cho vua cha, với hy vọng mình lấy được ngai vàng. Trong khi đó, người con trai thứ 18 của Hùng Vương, là Tiết Liêu (còn gọi là Lang Liêu) có tính tình hiền hậu, lối sống đạo đức, hiếu thảo với cha mẹ. Vì mẹ mất sớm, thiếu người chỉ vẽ, nên ông lo lắng không biết làm thế nào. Một hôm, Tiết Liêu nằm mộng thấy có vị Thần đến bảo: "Này con, vật trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, vì gạo là thức ăn nuôi sống con người. Con hãy nên lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông, để tượng hình Trời và Đất. Hãy lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột bánh, để tượng hình Cha Mẹ sinh thành." Tiết Liêu tỉnh dậy, vô cùng mừng rỡ. Ông làm theo lời Thần dặn, chọn gạo nếp thật tốt làm bánh vuông để tượng hình Đất, bỏ vào chảo chưng chín gọi là Bánh Chung. Và ông giã xôi làm bánh tròn, để tượng hình Trời, gọi là Bánh Dầy Còn lá xanh bọc ở ngoài và nhân ở trong ruột bánh là tượng hình cha mẹ yêu thương đùm bọc con cái.

Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem thức ăn đến bày trên mâm cỗ. Ôi thôi, đủ cả sơn hào hải vị, nhiều món ngon lành. Hoàng tử Tiết Liêu thì chỉ có Bánh Dầy và Bánh Chung. Vua Hùng Vương lấy làm lạ hỏi, thì Tiết Liêu đem chuyện Thần báo mộng kể, giải thích ý nghĩa của Bánh Dầy Bánh Chung. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa, bèn truyền ngôi Vua lại cho Tiết Liêu con trai thứ 18.

Kể từ đó, mỗi khi đến Tết Nguyên Đán, thì dân chúng làm bánh Chung và bánh Dầy để dâng cúng Tổ Tiên và Trời Đất.